

Dấu Ấn Văn Hóa Ẩm Thực Nam Bộ trong Văn Xuôi Bình Nguyên Lộc

Trần Minh Hậu

Trường Đại học Văn Hiến

Email: hautm@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 16/10/2024; Ngày sửa bài: 29/11/2024; Ngày duyệt đăng: 12/12/2024

Tóm tắt

Bình Nguyên Lộc là một trong những nhà văn lớn, tiêu biểu của miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Truyện của ông phản ánh đậm nét đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ, đặc biệt là văn hóa ẩm thực. Bài báo này không đi sâu phân tích các nội dung liên quan đến văn hóa ẩm thực Nam Bộ thể hiện trong tác phẩm Bình Nguyên Lộc, mà chủ yếu phân tích ẩm thực có vai trò như ký hiệu văn hóa, tư liệu văn hóa, nơi thể hiện ký ức cộng đồng, sắc thái vùng miền. Việc đặt tác phẩm Bình Nguyên Lộc trong lịch sử di dân của người Việt, trong không gian giao thoa - tiếp biến về văn hóa, để đánh giá cảm hứng văn hóa chủ đạo và khác biệt của nhà văn, để làm rõ hơn mối quan hệ giữa văn học và văn hóa cũng là điểm mới của bài báo.

Từ khóa: *Bình Nguyên Lộc, văn hóa ẩm thực, văn hóa Nam Bộ, văn học Việt Nam hiện đại*

The Imprint of Southern Vietnamese Culinary Culture in Binh Nguyen Loc's Prose

Tran Minh Hau

Van Hien University

Correspondence: hautm@vhu.edu.vn

Received: 16/10/2024; Revised: 29/11/2024; Accepted: 12/12/2024

Abstract

Bình Nguyên Lộc is one of the outstanding and representative writers of Southern Vietnam during the period from 1954 to 1975. His stories strongly reflect the cultural characteristics of the Southern region, particularly its culinary culture. This article does not analyze deeply the contents related to Southern Vietnamese culinary culture as manifested in the works of Bình Nguyên Lộc but primarily examines cuisine in its roles as a cultural symbol, cultural material, a site for expressing communal memories, and regional nuances. Placing the works of Bình Nguyên Lộc within the migration history of Vietnamese, in the space of cultural intersection and transformation, to evaluate the writer's primary and distinctive cultural inspirations, and to further clarify the relationship between literature and culture, also represents a novel aspect of this article.

Keywords: *Bình Nguyên Lộc, culinary culture, modern Vietnamese literature, Southern Vietnamese culture*

1. Mở đầu

Khi bàn đến văn hóa thể hiện qua tác phẩm văn học hay các công trình nghệ thuật, các nhà nghiên cứu thường dùng các khái niệm “*dấu ấn văn hóa*” hay “*đặc điểm văn hóa*”. Về cơ bản, nói đến dấu ấn văn hóa là nói đến sự độc đáo, khác biệt, có tính biểu tượng và tính nhận diện cao, trong khi đó khái niệm đặc trưng hay đặc điểm văn hóa là sự khái quát những thuộc tính chung, phổ biến. Bài báo này muốn nêu những điểm dễ nhận diện, độc đáo về văn hóa ẩm thực Nam Bộ thể hiện khá nhất quán trong tác phẩm Bình Nguyên Lộc.

Ẩm thực là một phạm trù văn hóa, nơi phản ánh lối sống, tập quán, niềm tin và thẩm mỹ của cộng đồng người. Với cư dân Nam Bộ, những lưu dân đi mở cõi từ thế kỷ XVII, sống trong môi trường sông nước, vùng đất mới vừa hoang sơ vừa phì nhiêu, màu mỡ, có nhiều dân tộc cộng cư, nên văn hóa ẩm thực vừa mang tính đơn giản, thiết yếu, vừa là phương tiện để định vị căn tính văn hóa. Từ tôm cá, cây trái ở chợ nổi Cái Răng đến mâm cơm gia đình, từ con heo, con gà, hạt gạo, hạt nếp, lá chuối, trái dừa đến món bánh tét, nôi thịt kho tàu cúng ông bà ngày giỗ, ngày Tết, ... ẩm thực Nam Bộ chính là nơi phản ánh sống động quá trình hình thành, biến đổi và phát triển của cả một vùng đất.

Văn học Việt Nam hiện đại đã có nhiều tác phẩm thể hiện đặc trưng văn hóa ẩm thực và văn hóa ẩm thực là nguồn cảm hứng nhất quán trong sáng tạo nghệ thuật của nhiều nhà văn. Tuy nhiên, Bình Nguyên Lộc là trường hợp đặc biệt. Ông không viết món ăn, thức ăn, bữa ăn như một chi tiết hiện thực gắn với nhân vật mà xem ẩm thực là yếu tố cấu thành không gian, tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Với ông, ẩm thực là tấm gương phản chiếu xã hội, là ký hiệu văn hóa, nơi neo giữ ký ức,

quá trình di dân, giao thoa, tiếp biến văn hóa của người dân Nam Bộ. Trong mối quan hệ giữa văn học và văn hóa, ẩm thực luôn là thành tố quan trọng.

2. Ẩm thực là ký hiệu văn hóa

Trong nhiều tác phẩm của Bình Nguyên Lộc như *Con Tám cù lằn*, *Rừng mấm*, *Hương hành kho*, *Những đứa con thương của đất mẹ*, *Ăn cơm chưa*, ... hình ảnh món cá kho, mùi hành, vị mấm nêm, món chè, vị trái xoài, mùi trái mít, ... giản dị mà đậm đà phong vị quê hương. Món ăn không chỉ để ăn, mà còn là biểu tượng, là ký hiệu văn hóa, là “*di sản cảm xúc*” của cả một thế hệ lưu dân. Cái ăn vì thế trở thành lối vào của văn hóa, là sợi chỉ đỏ kết nối con người với đất đai, với tổ tiên và với chính bản thân họ.

Trong truyện *Con Tám Cù Lằn*, nhân vật chính là Con Tám, vốn từ miền quê nghèo khổ ra thành phố ở mướn, nhưng một hôm nằng nặc đòi về vì quá nhớ mùa ốc gạo: “*Phải nghe con Tám Cù Lằn nói, mới thấy được lòng thương mến làng mạc của nó, giọng nói còn quan trọng hơn lời nói nhiều lắm. Lại còn những lúc im lặng nữa. Ta học nhạc Tây phương, đã thấy những sự quan trọng của những chỗ lặng, thì con Cù Lằn im lặng cũng quan trọng lắm. Tôi nghe và hình dung nó đang nhìn xa về làng nó. Thì ra nó đang nhớ nhà thôi, chứ không nhớ ốc gạo khi khô gì hết. Nỗi nhớ nhà này được mùa ốc gạo gợi lên, thành ray rứt quá, nó chịu không thấu...*” (Nguyễn Q. Thắng, 2002b: 932).

Nhân vật Con Tám đã sống ở thành phố, tiếp xúc và trải nghiệm nhiều món ăn mới, sống trong không gian mới, nhưng món ốc gạo trong truyện chính là ký ức, là ý thức cội nguồn, là dấu vết về miền quê xa lắc dù nghèo khó nhưng đầy yêu thương. Với nhà văn, món ăn chính là ngôn ngữ văn

hóa, là ký hiệu văn hóa chuyên chở thói quen, tập quán, nếp sinh hoạt của cộng đồng. Cũng như con Tám Cù Lăn, nhân vật Côn là người Việt gốc Thái trong truyện *Hương hành kho* được ông Vinh Xương chọn làm rể, không phải vì giàu có, sang trọng, quyền lực mà chỉ vì anh chàng này dù không sống lâu ở Việt Nam vẫn nhận ra mùi hương hành kho, cảm động khi nhìn làn khói trắng từ gian bếp. Theo nhà văn, ẩm thực chính là dấu hiệu tin cậy để nhận diện bản chất con người, nhất là mối quan hệ gắn bó của con người với một vùng đất. Không chỉ trong truyện *Hương hành kho*, món cá kho còn xuất hiện nhiều lần trong các truyện *Thèm mùi đất*, *Cuống rún chưa lia*, *Đò dọc*... Nguồn cá tôm phong phú của vùng đồng bằng sông Cửu Long, sông Đồng Nai nuôi sống con người và chi phối cả tâm hồn, nhận thức của họ.

Trong truyện *Những đứa con thương của đất mẹ*, những cô gái quê mùa vì ham tiền bỏ quê đi lấy chồng Mỹ, làm “me Mỹ”, bị dư luận, định kiến xã hội khinh rẻ, coi thường. Các cô ăn đồ Tây, uống bia rượu, quen với món ăn ngoại quốc, nhưng các cô vẫn thèm món bánh xèo ăn với rau sống, mắm nêm. Nhà văn tả các cô me Tây ăn món bánh xèo quen thuộc, dân dã bằng sự thèm thuồng, khoái cảm, chắm món mắm nêm mà người Âu - Mỹ vốn rất sợ bằng niềm thích thú không giấu giếm. Họ, những cô gái bám theo Mỹ đáng bị coi khinh đó, vẫn là *những đứa con thương của đất mẹ*. Trong cách lý giải của Bình Nguyên Lộc, từ cách đặt nhan đề đến việc lấy món ăn để tạo tình huống, đều nhằm đến việc khẳng định rằng khi con người không thể thay đổi thói quen ăn uống, tập quán, nếp sinh hoạt, thì về cơ bản ý thức cội nguồn vẫn quyết định nên bản chất, tính cách của họ. Truyện *Ăn cơm chưa* nhắc nhở về những người Minh

Hương (Trung Hoa) ly tán qua Việt Nam, đến khi chết vẫn không quên cội nguồn của mình. Nói khác hơn, món cơm, món lương thực chính của cả người Việt lẫn người Hoa vẫn có sức nặng níu kéo họ, là thứ khiến họ phải sống và chết vì nó. Truyện kể về nhân vật Alil - người Triều Châu. Alil bị bệnh thương hàn nặng, vì đói cơm nên đã vội vàng ăn khi chưa được bác sĩ cho phép và bị chết. Trước khi chết, A Lil khóc: “*Thầy Hai ơi, té ra quả thật không cơm cũng chết mà ăn cơm cũng chết. Ngóa nghèo dốt biết đâu. Trước kia tía má của ngóa nghèo không cơm, ngày nay ngóa nghèo nên không biết, hai lần đều chết...*” (Nguyễn Q. Thắng, 2002b: 705).

Chính vì món ăn được thể hiện như một ký hiệu, mã văn hóa trong tác phẩm Bình Nguyên Lộc, nên vẻ đẹp và trường liên tưởng của nó thể hiện qua tính ẩn dụ, tính biểu tượng. Món ăn trở thành linh hồn quê hương, là sợi dây kết nối tự nhiên giữa con người với gia đình, quê kiểng. Trong truyện *Ăn cơm chưa*, nhân vật Alil trước khi chết, còn khóc nhớ cha mẹ nghèo khó chết vì không có cơm ăn. Trong truyện *Vương bận*, anh Bút trước khi rời xa ngôi nhà, xóm làng, khăn gói lên thành phố kiếm sống, lại thấy dùng dằng, chỉ vì nhìn thấy giàn bầu: “*Tôi nghe hương vị của quê mùa trong này. Nói thì tôi mới nhớ vong linh chị Bảy. Chỉ thì luôn luôn ăn bầu trên giàn, mỗi bữa thèo một miếng. Nên bầu nó ngọt như vừa mới hái...*” (Nguyễn Q. Thắng, 2002a: 340). Hình ảnh giàn bầu xanh tươi và vị ngọt của miếng bầu cắt ngay trên giàn còn nguyên cuống đó có lẽ không chỉ níu kéo nhân vật Bút trong truyện, mà còn khiến nhiều người cảm nhận sâu sắc rằng quê hương, cội nguồn chính là một phần máu thịt trong con người mình. Món ăn, thói quen ẩm thực không

chỉ thể hiện quan niệm sống, cách ứng xử của con người mà là tiêu chí để đánh giá sức mạnh và giá trị của sự tiếp nối văn hóa. Cũng như vậy, truyện *Rừng mắm* chính là hình ảnh ẩn dụ đẹp nhất về công cuộc khẩn hoang, Nam tiến của người Việt. Trong truyện, hình ảnh cây mắm, cây bần, món chè, trái xoài, trái dừa,... không chỉ là cây trái, phong vị miền đất phương Nam, mà là lịch sử hình thành vùng đất. Nhân vật thàng Cộc là đứa nhỏ theo gia đình đi khai khẩn vùng đất mới, đất còn nhiễm mặn, khô khan, chỉ có là rừng mắm là xanh tốt, không có vườn cây ăn trái, không có xoài, mít, dừa. Thàng Cộc da diết nhớ xoài, nhớ đường, nhớ chè và những món ăn quen cũ ở vùng quê cây trái xanh tốt. Cộc muốn rời bỏ nơi khó khăn, nhưng ông nội nó giảng giải cho nó hiểu: *“Ông với tía con là cây mắm, chơn dẫm trong bùn. Đời con là đời tràm, chơn vẫn còn dẫm trong bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.”* (Nguyễn Q. Thắng, 2002b: 660). Có lẽ hiếm có nhà văn nào giảng giải về lịch sử và quá trình tồn tại của con người trên vùng đất mới đơn giản mà sâu sắc như vậy. Để có xoài, mít, dừa, cau tại các miệt vườn trù phú và những cánh đồng lúa bát ngát xanh tốt, các thế hệ trước đã phải làm cây mắm, cây tràm giẫm trong bùn, giữ đất và kiên trì cải tạo đất. Cây trái, hạt gạo mọc lên từ đất. Đất là cội nguồn, đất làm nên lương thực, thực phẩm, món ăn cho con người. Nền văn minh lúa nước và lịch sử di dân của người Việt trong truyện Bình Nguyên Lộc thể hiện bằng những biểu tượng vừa giản dị, cụ thể vừa khái quát. Văn hóa ẩm thực chính là đời sống con người, là sự tồn tại của con người gắn với tự nhiên và môi trường sống. Chính sự gắn kết này và chi phối của ký ức mà có khi món ăn, thức

uống không còn là vật chất hiện hữu mà được linh thiêng hóa, trừu tượng hóa. Trong truyện *Hồn ma cũ* của Bình Nguyên Lộc, nhân vật Kỳ đến quán cà phê mà không tự cắt nghĩa được vì sao mình luôn chọn nơi này, thức uống này. Thì ra, ký ức luôn đeo đuổi và dẫn dắt con người trong vô thức. Món cà phê là sự tổng hợp của thời gian, nơi chốn, màu sắc, mùi vị, âm thanh, hình ảnh... của thói quen ăn sâu vào tâm thức Kỳ.

Trong truyện Bình Nguyên Lộc, nhà văn đã sử dụng ẩm thực như một ký hiệu văn hóa, như một chi tiết nghệ thuật khái quát, tạo tình huống truyện để qua đó cắt nghĩa tính cách nhân vật, tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm.

3. Dòng chảy lưu dân và sự giao thoa văn hóa ẩm thực

Văn hóa ẩm thực Nam Bộ là kết quả của một quá trình lịch sử di dân, giao lưu, định cư kéo dài và phức tạp. Từ thế kỷ XVII, làn sóng người Việt từ miền Trung theo đường Nam tiến đã đến lập nghiệp tại vùng đất Gia Định, Đồng Nai, Hà Tiên, Cà Mau. Họ mang theo những phong tục tập quán, trong đó có văn hóa ẩm thực Bắc Bộ, Trung Bộ và tiếp biến với cư dân bản địa như người Khmer, người Hoa, người Chăm để hình thành nên một nền văn hóa hỗn dung đặc trưng.

Trong *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, nhà văn tả rất hay những món ăn đêm trên sông ông Lãnh như chè đậu, cháo cá, tàu hủ, xu xoa mật, bột khoai, bánh canh cá, kẹo đậu phộng trà Huế,... Những thứ quà đó là sự kết hợp, biến đổi thú vị của ẩm thực Bắc - Trung - Nam, món Hoa, món Việt. Món ăn kết nối con người, nhưng cũng là sự quy định của ẩm thực vùng miền. Nhà văn tả: *“Khách hàng dưới sông phần lớn là dân quê, những*

trạo phu của ghe thương hồ. Vì thế quà ở đây cũng nấu theo lối quê, thật thà nhưng đậm hương vị. Cháo cá ngọt cái chất ngọt của cá đồng... Mùi thơm của chè đậu trắng gợi nhớ mùa chè cúng đưa ông Táo ngày hăm ba Tết ở làng xa”. Không chỉ vậy tiếng rao món ăn còn làm nên giai điệu riêng độc đáo của kênh Tàu Hũ: “Ai... ăn bột khoai, bún tàu... đậu xanh, nước dừa, đường cát... hôn? Bản nhạc đêm trường ấy... kinh Tàu Hũ cứ còn giữ truyền thống cũ, và trong cảnh vắng lặng ở đây, nhạc điệu của câu rao được khôi sắc lên nhiều” (Nguyễn Q. Thắng, 2002b: 353-354).

Bình Nguyên Lộc là nhà văn thường nói đến sự dịch chuyển từ nông thôn đến thành thị. Các nhân vật của ông luôn ở trong trạng thái kết nối vùng quê và thành phố. Bên cạnh các thức ăn phong phú Tây Tàu đủ loại, nhà văn hay đề cập đến những món ăn dân dã, những món ăn gắn với người nghèo, thường nhật tại quê nhà. Từ cá linh, cá rô, mắm đồng, rau rừng, rau đắng, rau muống, chuối chát,... cho đến món ăn trong mùa nước nổi như bông điên điển, đọt choại, rau má,... tất cả đều gắn với thói quen, nếp sống bình dị của người dân.

Trong quá trình giao thoa, tiếp biến về văn hóa, Bình Nguyên Lộc thường đặt âm thực vào hai trạng thái: tiếp nhận, bổ sung và duy trì những thói quen ăn uống cũ. Người quê lên thành phố mang theo các món ăn dân dã như ốc gạo, cá tôm; cộng thêm các món ăn đêm mà chỉ có thành phố mới phổ biến như chè, cháo, hủ tiếu, mì,... Các món ăn dung hòa vào nhau, bổ sung cho nhau và phù hợp trước hết cho những người từ nhiều nguồn quê kiểng khác nhau. Thông qua món ăn, cách ăn, người ta nhận ra không chỉ nguồn gốc mà còn là diễn trình thay đổi sở thích, thói quen do thích nghi với cuộc sống mới. Tiểu thuyết *Xô*

ngã bức tường rêu là tác phẩm thể hiện tập trung cách nhà văn quan sát, đánh giá về quá trình giao thoa, tiếp biến về văn hóa của cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn - Sài Gòn. Trong truyện, thói quen ăn cháo khuya của người Triều Châu khiến nhân vật chính là người Việt ngạc nhiên: “*Người Triều Châu nấu cháo thật lạ mà ăn cháo còn lạ hơn. Hột cháo còn truru trứu, chỉ mới sôi vài dạo là họ nhấc xuống khỏi bếp, họ lại ăn nóng rất tài...*” (Nguyễn Q. Thắng, 2002d: 546). Không chỉ ăn cháo trắng nóng, nhiều người Triều Châu còn tìm đến Chợ Lớn để uống trà như một cách để họ tìm về cội nguồn và đỡ nhớ quê hương. Tuy nhiên, điều lạ lùng là khi đến vùng đất Nam Bộ, họ bén duyên với món sầu riêng và phần lớn người Hoa đều mê mẩn loại trái cây xứ nóng của Đông Nam Á. Bình Nguyên Lộc viết:

“*Nhà giàu Trung Hoa ở Chợ Lớn, trong những câu chuyện tửu hậu trà dư thường lấy số bạc ngàn ra mà đo lường sức tiêu thụ sầu riêng của họ trong năm: “Gia đình tôi năm nay ăn hết 6700 đồng, nhà anh ăn bao nhiêu?” hoặc “Năm nay trời cho làm ăn khá, tôi ăn tới 10.000 đồng”. Y như ngày xưa, gởi thơ về Tàu, họ cho gia quyến của họ bên ấy biết họ hút mỗi ngày mấy mươi điếu thuốc phiện để bên ấy đoán tài sản và việc thanh suy của họ bên này...*” (Nguyễn Q. Thắng, 2002d: 604).

Điều thú vị là nhà văn không chỉ phát hiện món ăn thể hiện đẳng cấp sang hèn, giàu nghèo, mà còn là bằng chứng cho sự thay đổi, tiếp biến về văn hóa ẩm thực do điều kiện và môi trường sống. Không chỉ những người từ đất nước khác đến miền Nam của Việt Nam lập nghiệp và mang theo món ăn, thói quen ăn uống của dân tộc mình, mà chính người bản địa cũng được tiếp nhận các món ăn mới, bổ sung cho những thứ

mình có. Bình Nguyên Lộc có những trang viết dí dỏm, sống động, món kem xuất hiện đầu tiên tại Sài Gòn từ công lao của người Nhật. Đây cũng được xem là tư liệu lịch sử của thành phố: “*Năm tiền chiến đó người Nhật Bản sang Sài Gòn mở hiệu kem đầu tiên trong xứ. Hiệu đặt tại đường Ết Banh - Lê Thánh Tôn bây giờ - gần nhà thuốc Vương Hữu Lễ. Hiệu kem ấy rất đắt khách vì đây là thứ quà lạ, mà cũng nhờ người nữ thu ngân viên là cô gái Phù Tang một trăm phần trăm, đôi má hồng như hoa đào...*” (Nguyễn Q. Thắng, 2002d: 619).

Bình Nguyên Lộc là người có tư tưởng tiến bộ, luôn ý thức về sự đổi mới cuộc sống và nhận thức với tinh thần khoa học, dân chủ. Đối với ẩm thực, nhà văn chủ trương tiếp nhận cái mới và xem sự thay đổi trong tập quán, thói quen ăn uống là điều tất yếu. Tuy nhiên, ông cũng là người nhất quán với việc bảo lưu những giá trị ẩm thực truyền thống. Nhà văn cho rằng món ăn và cách ăn định vị quê quán, căn tính văn hóa con người.

Truyện *Bảo mật* của Bình Nguyên Lộc là câu chuyện đau xót về một cô gái bị chính cha ruột của mình hủy hoại nhan sắc. Trong truyện, nhà văn tả làng Bình Thới thuộc tỉnh Đồng Nam có nghề “trở” đường phở nổi tiếng, lưu giữ từ thời tổ tiên từ Quảng Ngãi di cư vào. Ông Hương Quản Xệ vì sợ con gái theo anh Trọng bỏ nghề đường truyền thống, nên đã gấp hột điều đang cháy giá vào mặt con. Anh Trọng chắc chắn bỏ đi, còn cô gái phải trả giá đắt vì sự bảo mật của món đường phở gia truyền (Nguyễn Q. Thắng, 2002a).

Tương tự như truyện *Mưa thu nhớ tầm*, người đàn ông xứ Quảng Nam dù đã sống lâu năm ở đô thành Sài Gòn, mỗi lần mưa vẫn nôn nao lo lá dâu ướt, ông Hương Quảng Xệ trong truyện *Bảo mật* cũng cực

đoan đến tàn nhẫn trong ý thức bảo lưu các món ăn, thói quen, tập quán đem từ miền quê cũ vô cùng đất mới phương Nam. Bình Nguyên Lộc là nhà văn hay lý giải, cắt nghĩa về lịch sử món ăn hay quá trình di dân, sự giao thoa, pha trộn của các món ăn trong không gian Nam Bộ.

Một trong những thành tựu thi pháp lớn nhất của Bình Nguyên Lộc là khả năng gợi ký ức cộng đồng bằng chi tiết ẩm thực. Người đọc không chỉ thấy món ăn, mà còn thấy cả một bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội đằng sau đó. Trong *Thèm mùi đất*, nhân vật không chỉ “*thèm ăn*” mà còn “*thèm được sống lại*” trong không khí quê nhà, trong thời khắc gắn bó với đất, với ruộng, với con nước và với những món ăn gắn liền với tuổi thơ.

Ẩm thực trở thành ký ức sống động, được gói trong món bánh tét, bát cơm mẻ, mùi mắm kho. Mỗi chi tiết ấy không còn là “*của riêng*” một nhân vật mà là kỷ vật tập thể, nơi cả một thể hệ lưu dân “*chưa dứt cuống rún với đất mẹ*” cùng được gọi tên. Sức mạnh biểu tượng ấy giúp văn chương Bình Nguyên Lộc trở thành “*kho lưu trữ văn hóa dân tộc*” hơn là một diễn ngôn văn học.

Nam Bộ là vùng đất mới và ẩm thực trong văn xuôi Bình Nguyên Lộc thể hiện triết lý sống giản dị nhưng sâu sắc của cư dân Nam Bộ là sống thuận theo tự nhiên, biết chấp nhận, biết “*ăn ở có nghĩa*”, biết gìn giữ cái gốc. Người Việt từ Bắc, Trung di dân vào Nam vẫn mang theo tập quán, thói quen cũ. Người Hoa, người Khơ-me, người Chăm chung sống trên vùng đất này cũng góp phần tạo nên bức tranh văn hóa đa màu sắc, phong phú, độc đáo. Trong truyện *Quyển gia phả*, nhà văn Bình Nguyên Lộc tả buổi cúng tất niên theo phong tục Nam Bộ, có nhân vật Tồn với

những món ăn truyền thống thành kính dâng cúng tổ tiên và niềm tự hào tộc họ mười lăm đời viết trong gia phả. Bên cạnh đó Thụ là người Bắc di cư vào Nam vẫn nhớ lễ nghi và các mâm cúng giao thừa xứ Bắc, thêm không khí đón Tết cổ truyền; nhưng Khoa lại là người đóng vai trò phản biện. Khoa cho rằng việc bày vẽ nấu nướng, tuân theo tập tục xưa là sự lãng phí và lạc hậu.

Nếu so sánh với Thạch Lam tả món ăn tinh tế, với Nguyễn Tuân coi ẩm thực cũng là đỉnh cao của nghệ thuật, thì các nhà văn Nam Bộ như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc có cách phản ánh khác. Họ coi ẩm thực chính là biểu hiện cho sự tồn tại của văn hóa, của đời sống con người. Nhưng trong truyện Sơn Nam, nhà văn thiên về sự độc đáo, cá biệt trong chuyện ăn uống của người Nam Bộ. Trong truyện *Cao khỉ U Minh*, Sơn Nam tả chuyện ăn cá “*Chúng tôi đã ăn tuốt năm con cá lóc to - gọi là cá lóc nái, mỗi con nướng chín thơm phức, nằm trên miếng lá chuối. Sau khi dùng đũa xé một lần dưới bụng cá, chúng tôi trải con cá ra, gấp chừng ba bốn đũa là quãng bỏ cái xương sống cá, mặc dầu trong xương còn dính khá nhiều thịt*” (Sơn Nam, 2004: 158).

Trong *Chuyện rừng tràm* cũng là thành tích nổi trội về chuyện ăn uống:

“*Đây là Hai Đẹt, người đã từng nhậu ba lít rượu để với ba yến khô cá sặc rằn. Đây là Bảy Vĩnh, người hồi tháng trước đã ăn một lượt ba kí lô mỡ heo luộc chín, chấm với muối ớt. Sau khi ăn xong, anh còn đòi uống thêm bốn gáo nước lạnh.*

Lại còn Tư Cẩn đối thủ lợi hại của Bảy Vĩnh. Chính Tư Cẩn đã ăn bốn chục viên bánh xôi nước và một con vịt luộc, Bảy Vĩnh đáp lại sẵn sàng ăn tám kí lô sầu riêng. Thứ trái này khó kiếm ở rừng Cà Mau, phải gửi tàu đò ra chợ Rạch Giá mua về...” (Sơn

Nam, 2004: 227).

Nếu Sơn Nam muốn chứng minh vùng đất Nam Bộ độc đáo, có cá tính cả trong văn hóa ẩm thực, thì Bình Nguyên Lộc luôn quan tâm đến đến lịch sử tồn tại, thay đổi của nền văn hóa ẩm thực ấy. Nhà văn không đi vào cái cá biệt, không ngợi ca. Ông chỉ lặng lẽ quan sát, chiêm nghiệm, ghi chép và đánh giá, lý giải nó bằng tất cả tình yêu, sự gần bó, cảm hứng sáng tạo và kiến thức khoa học thu thập, tích lũy. Không gian trong truyện Sơn Nam chủ yếu ở vùng Cà Mau - U Minh, miền Tây Nam Bộ. Không gian trong tác phẩm Bình Nguyên Lộc rộng hơn, bao gồm cả Đông và Tây Nam Bộ, khai thác cả đời sống con người ở thành thị và nông thôn, ẩm thực vì vậy cũng phong phú, đa dạng hơn.

4. Kết luận

Bình Nguyên Lộc là nhà văn nhất quán hướng về văn hóa và có ý thức lưu giữ văn hóa trong tác phẩm của mình. Thông qua phân tích dấu ấn văn hóa ẩm thực Nam Bộ trong văn xuôi Bình Nguyên Lộc đã chứng minh được rằng ẩm thực không chỉ là đề tài, chi tiết đời sống hiện thực được phản ánh vào trong tác phẩm; mà là nơi lưu giữ phong tục, lối sống, tinh thần cộng đồng và ký ức của người dân. Trong tác phẩm, ẩm thực là ký hiệu văn hóa, là một phương tiện biểu đạt văn hóa đặc sắc, nơi hội tụ của lịch sử di dân, quá trình giao lưu, tiếp biến về văn hóa. Truyện của Bình Nguyên Lộc thường dân dã, mộc mạc, nhưng bao giờ cũng chứa đựng những thông điệp mới mẻ, sâu sắc về cuộc sống. Các món ăn, thức uống hay còn gọi là văn hóa ẩm thực trong văn chương ông đã trở thành biểu tượng triết lý về nhân sinh, về văn hóa Nam Bộ. Nghiên cứu về văn hóa ẩm thực trong truyện Bình Nguyên Lộc là để khẳng định sự tồn tại của một vùng đất, và để khẳng định bản sắc vùng

miền của vùng đất ấy qua văn chương.

Trong cái nhìn xa, từ thế hệ người đọc hôm nay, văn chương Bình Nguyên Lộc không chỉ là sản phẩm văn hóa mà còn là nói bảo tồn, diễn giải và tái tạo bản sắc văn hóa Nam Bộ.

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Tài liệu tham khảo

Đào Duy Anh (2000). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
Huỳnh Công Tín (2006). *Cảm nhận bản sắc Nam Bộ*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa Thông tin.
Hồ Lê (1992). *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
Nguyễn Văn Hầu (2004). *Diện mạo văn học*

dân gian Nam Bộ (Tập I, II). Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

Nguyễn Văn Ái (1994). *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Q. Thắng (tuyển chọn và giới thiệu) (2002a). *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, tập I. Hà Nội, Nxb Hội nhà văn.

Nguyễn Q. Thắng (tuyển chọn và giới thiệu) (2002b). *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, tập II. Hà Nội, Nxb Hội nhà văn.

Nguyễn Q. Thắng (tuyển chọn và giới thiệu) (2002c). *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, tập III. Hà Nội, Nxb Hội nhà văn.

Nguyễn Q. Thắng (tuyển chọn và giới thiệu) (2002d). *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, tập IV. Hà Nội, Nxb Hội nhà văn.

Sơn Nam (2004). *Hương rừng Cà Mau*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.